



Biên số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Bệnh viện Phổi tỉnh Phú Thọ

Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 21 /QĐ- BVP ngày 11/01/2024 của Giám đốc BV Phổi tỉnh Phú Thọ)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	27.173
1	Lệ phí	-
2	Khác	27.173
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	27.173
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	27.173
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	27.173
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
2	Chi quản lý hành chính	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.370
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.370
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	9.370
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.270



4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.100
5	Chi bảo đảm xã hội	-
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
6	Chi hoạt động kinh tế	-
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
II	Nguồn vốn viện trợ	-
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Dự án A	-
1.2	Dự án B	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-
2.1	Dự án A	-
2.2	Dự án B	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
3.1	Dự án A	-
3.2	Dự án B	-
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-
4.1	Dự án A	-
4.2	Dự án B	-
5	Chi bảo đảm xã hội	-
5.1	Dự án A	-
2.2	Dự án B	-
6	Chi hoạt động kinh tế	-
6.1	Dự án A	-
6.2	Dự án B	-

7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
7.1	Dự án A	-
7.2	Dự án B	-
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-
8.1	Dự án A	-
8.2	Dự án B	-
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
9.1	Dự án A	-
9.2	Dự án B	-
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-
10.1	Dự án A	-
10.2	Dự án B	-
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Dự án A	-
1.2	Dự án B	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-
2.1	Dự án A	-
2.2	Dự án B	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
3.1	Dự án A	-
3.2	Dự án B	-
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-
4.1	Dự án A	-
4.2	Dự án B	-
5	Chi bảo đảm xã hội	-
5.1	Dự án A	-
2.2	Dự án B	-
6	Chi hoạt động kinh tế	-
6.1	Dự án A	-
6.2	Dự án B	-
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
7.1	Dự án A	-
7.2	Dự án B	-
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-
8.1	Dự án A	-
8.2	Dự án B	-
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-



9.1	Dự án A	-
9.2	Dự án B	-
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-
10.1	Dự án A	-
10.2	Dự án B	-

